

Bản án số: 15/2021/DS-ST

Ngày 14 - 4 - 2021

V/v “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN HẢI CHÂU - TP. ĐÀ NẴNG**

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Phạm Văn Diện**

Hội thẩm nhân dân: Ông **Huỳnh Tiễn** và ông **Lê Truyền Bình**

Thư ký phiên tòa: Bà **Nguyễn Phương Trang** - Thư ký Tòa án nhân dân quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Bà **Hà Thị Thu Hiếu** - Kiểm sát viên.

Ngày 14 - 4 - 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Hải, thành phố Đà Nẵng tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 201/2020/TLST-DS ngày 26-10-2020 về việc “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 16/2021/QĐXXST-DS ngày 25 - 02 - 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 19/2021/QĐST-DS ngày 18 - 3 - 2021, giữa:

1. *Nguyên đơn:* **Ngân hàng TMCP T**. Trụ sở: Lầu 8, số 266-268 N, phường X, Quận Y, Thành phố Hồ Chí Minh. Người đại diện theo ủy quyền là ông Trương Đình V - Sinh năm 1975. Chức vụ: chuyên viên quản lý nợ - Ngân hàng TMCP Sài T. Địa chỉ: 240 N, quận H, thành phố Đà Nẵng (Giấy ủy quyền số: 1159/2020/GUQ-PL ngày 05 - 5 - 2020 và Giấy ủy quyền số: 498/2020/UQ-TTT ngày 15 - 10 - 2020), có mặt.

2. *Bị đơn:* Ông **Trần Văn X** - Sinh năm 1968. Địa chỉ: 31/12 N, phường Đ, quận H, thành phố Đà Nẵng, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 15 - 10 - 2020 và lời khai trong quá trình tố tụng, nguyên đơn là Ngân hàng TMCP T trình bày:

Ngày 10 - 9 - 2012, ông Trần Văn X có ký với Ngân hàng TMCP T (sau đây gọi là Ngân hàng) Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng và Bản điều khoản, điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng - các tài liệu được gọi chung là hợp đồng). Căn cứ thu nhập của ông Trần Văn X, Ngân hàng đã đồng ý cấp thẻ tín dụng có hạn mức sử dụng là 16.000.000 đồng với mục đích tiêu dùng cá nhân; lãi suất 2,6%/tháng, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn.

Sau khi được cấp thẻ tín dụng, ông Trần Văn X đã thực hiện một giao dịch với tổng số tiền 15.800.000 đồng. Trong quá trình sử dụng, từ ngày kích hoạt thẻ đến ngày 22 - 6 - 2019, ông Trần Văn X đã thanh toán được cho Ngân hàng số tiền 35.375.000 đồng (bao gồm phí, phí trễ hạn, phí vượt hạn mức, lãi và gốc), sau đó không trả nữa. Mặc dù, Ngân hàng đã nhiều lần làm việc, nhắc nhở nhưng ông Trần Văn X vẫn không có thiện chí trả nợ. Do ông Trần Văn X vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên ngày 23 - 10 - 2019, Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu là 3.823.102 đồng sang nợ quá hạn.

Tính đến ngày 14 - 4 - 2021, ông Trần Văn X còn nợ của Ngân hàng số tiền tổng cộng là 6.506.902 đồng (trong đó nợ gốc 3.823.102 đồng, lãi quá hạn 2.683.800 đồng). Để bảo vệ quyền lợi hợp pháp của mình, Ngân hàng khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Trần Văn X phải trả cho Ngân hàng số tiền còn nợ như đã nêu trên và phải trả tiền lãi phát sinh kể từ ngày 15 - 4 - 2021 cho đến khi trả xong nợ theo lãi suất được quy định tại Hợp đồng.

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn Ngân hàng TMCP T giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Bị đơn ông Trần Văn X đã được Tòa án thông báo về việc thụ lý vụ án; thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng ông Trần Văn X không có ý kiến phản hồi đối với yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP T và cũng không đến Tòa án để giải quyết vụ việc.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Hải Châu phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm mở phiên tòa và tại phiên tòa: Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về việc chấp hành pháp luật tố tụng: Các đương sự đã được đảm bảo các quyền và thực hiện đúng nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung giải quyết: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP T. Buộc ông Trần Văn X phải trả cho Ngân hàng TMCP T số tiền tổng cộng là 6.506.902 đồng và phải trả tiền lãi phát sinh, kể từ ngày 15 - 4 - 2021 cho đến khi trả xong nợ theo mức lãi suất thỏa thuận tại Hợp đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

[1.1]. Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Ngân hàng TMCP T khởi kiện yêu cầu ông Trần Văn X thanh toán nợ theo Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng. Đây là tranh chấp về hợp đồng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015. Ông Trần Văn X có nơi cư trú tại 31/12 N, phường Đ, quận H, thành phố Đà Nẵng nhưng trong quá trình thực hiện Hợp đồng, ông Trần Văn X thay đổi nơi cư trú mà không thông báo cho bên đã ký kết Hợp đồng. Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 35 và

điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng.

[1.2]. Về sự vắng mặt của đương sự: Bị đơn ông Trần Văn X đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai để tham gia tố tụng tại phiên tòa, nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 227 và 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015, tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo thủ tục chung.

[2]. Về nội dung:

[2.1]. Về hình thức hợp đồng: Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng và Bản điều khoản, điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng - các tài liệu được gọi chung là hợp đồng) mà ông Trần Văn X ký với Ngân hàng TMCP T ngày 10 - 9 - 2012 thỏa mãn các điều kiện có hiệu lực của hợp đồng dân sự theo quy định tại các Điều 122, 124 của Bộ luật Dân sự năm 2005 và phù hợp với quy định của Luật các Tổ chức tín dụng năm 2010 nên có hiệu lực pháp luật đối với các bên tham gia ký kết.

[2.1]. Về nội dung hợp đồng: Mặc dù ông Trần Văn X vắng mặt và không có ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP T. Tuy nhiên, căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ do Ngân hàng TMCP T cung cấp. Hội đồng xét xử xét thấy: Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng mà ông Trần Văn X ký kết với Ngân hàng với mục đích tiêu dùng có hạn mức 16.000.000 đồng; lãi suất 2,6%/tháng; lãi quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn; thời hạn thanh toán, số tiền thanh toán được thực hiện theo Thông báo hàng tháng của Ngân hàng. Quá trình sử dụng thẻ tín dụng, ông Trần Văn X đã thực hiện một giao dịch vào ngày 20 - 10 - 2012 với số tiền 15.800.000 đồng và đã thanh toán được số tiền 35.375.000 đồng (gốc 9.293.098 đồng; lãi, phí, phí vượt hạn mức 26.081.902 đồng), còn nợ 3.823.102 đồng. Do ông Trần Văn X vi phạm nghĩa vụ thanh toán, nên Ngân hàng TMCP T đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dự nợ sang nợ quá hạn kể từ ngày 23 - 10 - 2019 là đúng với quy định tại Điều 23 của Điều khoản và điều kiện phát hành, sử dụng thẻ tín dụng. Tính đến ngày 14 - 4 - 2021, ông Trần Văn X còn nợ Ngân hàng TMCP T số tiền là 6.506.902 đồng (trong đó nợ gốc 3.823.102 đồng, lãi quá hạn 2.683.800 đồng). Mặc dù, Ngân hàng TMCP T đã nhiều lần yêu cầu ông Trần Văn X thanh toán nợ nhưng ông X không thực hiện.

Căn cứ vào thỏa thuận của các bên tại Điều 18 và 19 của Điều khoản, điều kiện sử dụng thẻ tín dụng thì ông Trần Văn X đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán. Việc Ngân hàng TMCP T khởi kiện yêu cầu ông Trần Văn X phải thanh toán nợ là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 91 và Điều 95 của Luật các Tổ chức tín dụng năm 2010 và Điều 471, 476 của Bộ luật Dân sự 2005 cần được chấp nhận. Do đó, buộc ông Trần Văn X phải trả cho Ngân hàng TMCP T số tiền tạm tính đến ngày 14 - 4 - 2021 là 6.506.902 đồng (trong đó nợ gốc 3.823.102 đồng, lãi quá hạn 2.683.800 đồng) và phải tiếp tục trả tiền lãi, kể từ ngày 15 - 4 - 2021 cho đến khi thanh toán xong nợ theo mức lãi suất mà các bên đã thỏa thuận tại Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng ký kết ngày 10 - 9 - 2012.

[3]. Về án phí: Căn cứ Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 - 12 - 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu và quản lý sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Do yêu cầu của Ngân hàng TMCP T được chấp nhận nên ông Trần Văn X phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 325.345 đồng.

[4]. Xét ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Hải Châu về việc giải quyết vụ án phù hợp với quy định của pháp luật cũng như nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; các Điều 227, 228, 266, 269 và 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;
- Căn cứ vào khoản 2 Điều 91 và Điều 95 của Luật các Tổ chức tín dụng năm 2010;
- Căn cứ vào Điều 471 và 476 của Bộ luật Dân sự năm 2005; Điều 688 của Bộ luật Dân sự năm 2015;
- Căn cứ Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 - 12 - 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu và quản lý sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín đối với ông Trần Văn X.

Xử:

1. Buộc ông Trần Văn X phải thanh toán cho Ngân hàng TMCP T số tiền tính đến ngày 14 - 4 - 2021 là 6.506.902 đồng (trong đó nợ gốc 3.823.102 đồng, lãi quá hạn 2.683.800 đồng).

Kể từ ngày 15 - 4 - 2021, ông Trần Văn X còn phải tiếp tục trả tiền lãi phát sinh theo mức lãi suất mà các bên đã thỏa thuận tại Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng ký kết ngày 10 - 9 - 2012. Trường hợp trong hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

2. Về án phí: Án phí dân sự sơ thẩm ông Trần Văn X phải chịu là 325.345 đồng. Hoàn trả cho Ngân hàng TMCP T số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo Biên lai thu số 5003 ngày 23 - 10 - 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND quận Hải Châu;
- THADS quận Hải Châu;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Văn Diện